

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 03/01/2023

*V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung khi ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Kha.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Vũ Yên và ông Nguyễn Văn Cử.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 58/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 Tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn T L, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Q N, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị L trình bày:

Chị L và anh Nguyễn Q N tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Phú, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi sau đó 02 vợ chồng về chung sống tại xã Sơn Long, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì sau đó phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012 do lối sống không hòa hợp, chồng

không minh bạch trong chuyện chi tiêu kinh tế gia đình, không có tiếng nói chung giữa vợ chồng trong chuyện tiền bạc và cùng làm ăn kinh tế, nuôi dạy con cái, hiện tại hai vợ chồng không thể hòa hợp không thể chung sống với nhau; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2022 đến nay. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh N.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Quốc Hòa, sinh ngày 21/4/2009 và Nguyễn Quốc Huy, sinh ngày 20/7/2014. Khi ly hôn chị L đề nghị được trực tiếp nuôi hai cháu, chị L làm cấp dưỡng cho trường mầm non và buôn bán tự do nên kinh tế đủ khả năng nuôi 02 con. Về cấp dưỡng nuôi con: Yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh N có lời trình bày: Việc mâu thuẫn vợ chồng anh là có tuy nhiên là mâu thuẫn nhỏ nhưng không được giải quyết dứt điểm nên vợ chồng thường xuyên mâu. Anh N đề nghị vợ xem xét rút lại yêu cầu ly hôn để vợ chồng cùng đoàn tụ nuôi dạy con cái. Trong trường hợp chị L cương quyết giữ yêu cầu ly hôn thì anh không có ý kiến gì khác, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Trong trường hợp ly hôn anh N không yêu cầu giải quyết về tài sản. Anh N xác định không có nghề nghiệp ổn định, công việc chủ yếu là làm thuê theo thời vụ tại địa phương.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về việc nội dung giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tuân thủ đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày, tranh luận của các đương sự tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị L được ly hôn với anh N. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Q H, Nguyễn Q H 1 cho nguyên đơn nuôi dưỡng. Anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà L 750.000 đồng/ 01 người con đến khi con được 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về án phí áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326. Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐST. Bị đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền: Chị L có đơn khởi kiện đối với anh N về việc xin ly hôn, nuôi con khi ly hôn nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã Sơn Long, huyện Sơn Hòa, nên Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa

thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh N tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn như vậy hôn nhân được xác định là hợp pháp. Qua các chứng cứ được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án HĐXX thấy rằng giữa chị L và anh N đã sống ly thân, vợ chồng đã không cùng chung sống và sinh hoạt chung từ tháng 01/2022, hiện tại người nào chỉ biết bốn phần người đó, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống. Anh N đề nghị vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái nhưng chị L cương quyết giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và 02 vợ chồng cũng không có được bất kỳ hành động tích cực nào trên thực tế hàn gắn hạnh phúc gia đình dù vụ việc đã kéo dài. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn tình cảm gia đình giữa anh N và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng; tình cảm vợ chồng hiện tại không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị L xin được ly hôn anh N.

[3] Về nuôi con chung: Hiện tại 02 con chung vẫn đang sống chung trong cùng gia đình với chị L và anh N, ly hôn chị L đề nghị giao 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Trên các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào nguyện vọng các con chung, ý kiến của chính quyền địa phương Hội đồng xét xử thấy rằng để đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần và môi trường sống, học tập đối với con chung HĐXX quyết định giao 02 con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền đối với mỗi cháu là 750.000đ/tháng/01 cháu (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng mỗi tháng đối với mỗi cháu*); thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm 03/01/2023 và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng khi phát sinh một trong các điều kiện được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và anh N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 118 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn T L được ly hôn với anh Nguyễn Q N.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Q H, sinh ngày 21/4/2009 và Nguyễn Q H 1, sinh ngày 20/7/2014 cho anh chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi cháu số tiền 750.000đ/tháng (*bảy trăm năm mươi nghìn đồng một cháu mỗi tháng*); thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm 03/01/2023 và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng khi phát sinh một trong các điều kiện được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và anh N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Xác nhận chị L đã nộp đủ 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tại Biên lai số 0002762 ngày 09/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thờihiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

-Các đương sự;
-VKSND H.Son Hòa;
-Chi cục THADS H.Son Hòa;
-TAND tỉnh Phú Yên;
-UBND Đức Phú, Mộ Đức, Quảng Ngãi
(GCNKH số 42 quyền 01/2008)
-Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Kha

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Vũ Văn Kha

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Sơn Hòa;
- Chi cục THADS H.Sơn Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- UBND xã Hòa Thắng, H. Phú Hòa;
(GCNKH số 116/ quyền 01/2012)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Kha

